TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 11 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Phước N , sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú: Ấp Lung Trường, xã Q , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh Chuối, xã Q , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023 trong qúa trình giải quyết nguyên đơn ông Mai Phước N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N với bà Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, mặc dù gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành dẫn đến vợ chồng ly thân đến nay. Nay, ông xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T .

Về con chung: Mai Phước L , sinh năm 1999 và Mai Long N , sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Mai Phước N không yêu cầu.

Về nợ chung: Ông Mai Phước N xác định không có.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T :* Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà T theo quy định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông N .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 30/10/2023 ông Mai Phước N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà T vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà T .

[2] Về quan hệ hôn nhân. Ông N Với bà T kết hôn vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông N yêu cầu ly hôn với bà T nguyên do, trong quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông N với bà T chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông N và bà T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Mai Phước L , sinh năm 1999 và Mai Long N , sinh năm 2002. Hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Mai Phước N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Mai Phước N xác định không có.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Do đó, ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Mai Phước N với bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Mai Phước N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000475 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Mai Phước N và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Giang Nam